

Bản án số: 53/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30-8-2024

v/v tranh chấp chia tài sản chung của
vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Du

Ông Nguyễn Văn Trình

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Nguyên Khang là Thư ký của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C, thành phố Đà Nẵng: Ông Tề Hoàng Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 104/2023/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 4 năm 2023 về việc: “Chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 126/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Đăng P - Sinh năm 1974; Địa chỉ: Số 43 đường C, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo uỷ quyền:

Ông Nguyễn Trung T - Sinh năm: 1971 (Có mặt).

Ông Trần Quang T1 - Sinh năm: 1997 (Có mặt).

Địa chỉ liên hệ: Số 45 đường Nguyễn K, quận H, thành phố Đà Nẵng (Hợp đồng uỷ quyền lập ngày 12/9/2023).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H - Sinh năm 1977; Địa chỉ: Số 43 đường C, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Hòa Sơn (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ: Số 42 đường B, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.2. Bà Trần Thị Phương T2 - Sinh năm: 1985. Địa chỉ liên hệ: Số 19 đường C, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo uỷ quyền:

Bà Lê Khánh L - Địa chỉ liên hệ: Số 31 đường Hồ Biểu Chánh, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt).

3.3. Bà Nguyễn Hoàng T4 - Sinh năm: 1997 (Có mặt).

3.4. Ông Nguyễn Đăng N - Sinh năm: 1998 (Có mặt).

3.5. Bà Nguyễn Thị Châu G - Sinh năm: 1998 (Có mặt, vắng mặt khi Tòa án tuyên án).

Cùng địa chỉ: Số 43 đường C, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng

3.6. Ông Nguyễn Đăng L - Sinh năm: 1970. Địa chỉ: Số 238 đường V, quận C, thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt).

3.7. Ông Huỳnh Ngọc H - Sinh năm: 1983. Địa chỉ: Số 157 đường P, quận C, thành phố Đà Nẵng (Có mặt).

3.8. Bà Nguyễn Thị Ngọc T5 - Sinh năm: 1977. Địa chỉ: Số 15/19 đường V, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

3.9. Bà Nguyễn Thị Mỹ H - Sinh năm: 1964. Địa chỉ: Tổ 05 phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt).

3.10. Ông Nguyễn Đăng D - Sinh năm: 1966. Địa chỉ: Số 119A đường C, quận H, thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt).

3.11. Bà Nguyễn Thị M - Sinh năm: 1968. Địa chỉ: Tổ 05 phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt).

3.12. Bà Nguyễn Thị Ngọc T6 - Sinh năm: 1979. Địa chỉ: Tổ 02 xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 28/3/2023 của nguyên đơn ông Nguyễn Đăng P, bản trình bày ý kiến, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Đăng P là ông Trần Quang T1 trình bày:*

Ông Nguyễn Đăng P và bà Nguyễn Thị H kết hôn vào năm 1996 tại UBND phường Khuê Trung, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng cũ, nay là UBND phường Khuê Trung, quận C, thành phố Đà Nẵng, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 1996 đăng ký ngày 17/10/1996. Trong thời kỳ hôn nhân ông P và bà Hiền có tạo lập được tài sản chung sau:

1. Thửa đất số 33, tờ bản đồ số 15, diện tích 284m² đất trồng cây hằng năm tọa lạc tại địa chỉ: Tổ 14, phường Hòa Phát, quận C, thành phố Đà Nẵng (Sau đây gọi tắt là thửa đất số 33, tờ bản đồ số 15) (có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 871909 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 07/3/2016, đã được chỉnh lý biến động vào ngày 24/12/2019 cho ông Nguyễn Đăng P, bà Nguyễn Thị H)

2. Thửa đất số 1905, tờ bản đồ số 11, diện tích 270m² đất trồng cây hằng năm, tọa lạc tại địa chỉ: Tổ 22, phường Hòa Phát, quận C, thành phố Đà Nẵng

(Sau đây gọi tắt là thửa đất số 1905, tờ bản đồ số 11) (có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 871911 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 07/3/2016, đã được chỉnh lý biến động vào ngày 24/12/2019 cho ông Nguyễn Đăng P, bà Nguyễn Thị H)

3. Nhà và đất tại thửa đất số 20, tờ bản đồ số B1-97, diện tích 100m² đất ở đô thị, tọa lạc tại địa chỉ: Khu đô thị sinh thái ven sông Hòa Xuân - Giai đoạn 2, phường Hòa Xuân, quận C, thành phố Đà Nẵng, nay là: Số 43 đường C, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (Sau đây gọi tắt là nhà và đất tại thửa đất số 20, tờ bản đồ B1-97) (có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 443626 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 14/8/2015, đã được chỉnh lý biến động vào ngày 28/9/2015 cho ông Nguyễn Đăng P, bà Nguyễn Thị H).

Về giá trị quyền sử dụng đất thì ông P thống nhất với kết quả định giá, cụ thể:

1. Quyền sử dụng đất trồng cây hằng năm khác tại thửa đất số 33, tờ bản đồ số 15 có giá trị: 166.992.000 đồng.

2. Quyền sử dụng đất trồng cây hằng năm khác tại thửa đất số 1905, tờ bản đồ số 11 có giá trị: 79.380.000 đồng.

3. Quyền sử dụng đất ở tại thửa đất số 20, tờ bản đồ số B1-97 có giá trị: 3.215.700.000 đồng và tài sản gắn liền với đất có giá trị là 935.760.000 đồng, tổng cộng là 4.151.460.000 đồng.

Nguồn gốc tạo lập nhà và đất tại thửa đất số 20, tờ bản đồ số B1-97 như sau:

Về đất: Tiền mua đất là 620.000.000 đồng (gồm: tiền mua đất là 550.000.000 đồng và tiền dịch vụ 70.000.000 đồng). Trong đó: Ông P tích góp được 120.000.000 đồng và gia đình ông P gồm ba, các anh chị em đã đóng góp số tiền là 500.000.000 đồng, cụ thể: Ông Nguyễn Đăng Kế (là cha ruột ông P), hiện đã mất: góp 100.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Mỹ H (là chị gái ông P) góp 30.000.000 đồng, ông Nguyễn Đăng D (là anh trai ông P) góp 50.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị M (là chị gái ông P) góp 70.000.000 đồng, ông Nguyễn Đăng L (là anh trai ông P) góp 100.000.000 đồng và bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy (là em gái ông P) góp 150.000.000 đồng. Với số tiền đóng góp trên anh chị em ông P đã về nhà đưa tiền mặt cho ông Kế. Đến giữa tháng 6/2015 khi ra văn phòng công chứng nhận chuyển nhượng lô đất này, ông Kế và bà Nguyễn Thị Ngọc T6 (là em gái ông P) đến tòa nhà SUNGROUP để giao tiền cho bên bán. Sau khi hoàn thành công chứng xong, ông Kế giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng lô đất và gọi ông P về nhà (có sự chứng kiến các anh chị em) để trao cho ông P.

Về phần tiền xây nhà: Đến tháng 4/2016, ông P quyết định xây nhà. Tuy nhiên, khi mở móng thì ông P chỉ có 80.000.000 đồng, ông P về nhà tâm sự với ông Kế xin được hỗ trợ cho thêm tiền xây nhà. Sau đó, ông Kế mở tủ lấy tiền mặt cho ông P 100.000.000 đồng, dưới có sự chứng kiến của ông Nguyễn Đăng

L. Ngoài ra, ông P điện thoại cho tất cả anh chị em xin hỗ trợ thêm. Trong đó, bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy 03 lần chuyển khoản vào tài khoản của ông P với tổng số tiền 250.000.000 đồng, cụ thể: ngày 4/5/2016 chuyển số tiền 100.000.000 đồng và ngày 8/7/2016 chuyển số tiền 100.000.000 đồng do nhân viên của bà Thúy là bà Tạ Thị Hồng Phượng chuyển cho ông P, ngày 01/9/2016: bà Thúy tiếp tục chuyển cho ông P số tiền 50.000.000 đồng. Ông Nguyễn Đăng L có qua nhà ông P cho tiền mặt ông P 100.000.000 đồng. Số tiền mà gia đình đã hỗ trợ cho ông P xây nhà là 450.000.000 đồng.

Do đó, tổng số tiền mà gia đình ông P đã hỗ trợ ông P mua đất, xây nhà là 950.000.000 đồng (Trong đó: tiền mua đất là 500.000.000 đồng và tiền xây nhà là 450.000.000 đồng).

Vì vậy, ông Nguyễn Đăng P yêu cầu Tòa án chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa ông và bà Nguyễn Thị H, theo đó, ông Nguyễn Đăng P đề nghị Tòa án chia tài sản chung là thửa đất số 33, tờ bản đồ số 15; thửa đất số 1905, tờ bản đồ số 11 và nhà, đất tại thửa đất số 20, tờ bản đồ số B1-97 theo tỷ lệ 7/3, trong đó ông được hưởng 70% giá trị tài sản, bà Nguyễn Thị H được hưởng 30% giá trị các tài sản nêu trên.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 28/8/2024, nguyên đơn ông Nguyễn Đăng P có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện chia tài sản đối với thửa đất số 33, tờ bản đồ số 15.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Đăng P giữ nguyên ý kiến rút một phần yêu cầu khởi kiện chia tài sản đối với thửa đất số 33, tờ bản đồ số 15 nêu trên và đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về chia tài sản chung như sau:

Đối với nhà và đất tại thửa đất số 20, tờ bản đồ số B1-97: Đây là thành quả của sự cố gắng chung từ gia đình ông P, đồng thời thể hiện ước nguyện cuối đời của cha ông, nhằm bảo đảm chỗ ở ổn định cho các thế hệ sau. Do đó, ông Nguyễn Đăng P yêu cầu Tòa án chia nhà và đất tại thửa đất số 20, tờ bản đồ số B1-97 theo tỷ lệ 7/3, trong đó ông P được hưởng 70% giá trị tài sản, bà Nguyễn Thị H được hưởng 30% giá trị tương ứng với giá trị là 1.245.438.000 đồng, ông P đề nghị được nhận quyền sử dụng và sở hữu nhà đất nêu trên và thối trả cho bà Hiền số tiền là 1.245.438.000 đồng.

Đối với thửa đất số 1905, tờ bản đồ số 11: Đây là tài sản chung của vợ chồng ông P và bà Hiền, ông P đề nghị chia theo tỉ lệ 5:5. Ông P đề nghị được nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1905, tờ bản đồ số 11 và thối trả 50% giá trị cho bà Hiền tương ứng số tiền là 39.690.000 đồng.

* Trong bản tự khai đề ngày 11/8/2023, bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà xác nhận tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân với ông P gồm 3 thửa đất là số 33, số 1905 và số 20. Đối với yêu cầu chia tài sản của ông P theo tỷ lệ 7:3 (Ông P 70%, bà 30%) thì bà đồng ý. Do bà đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Hòa Sơn nên bà đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà tại tất cả các phiên họp, phiên xét xử.

** Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt số 517/CTHADS ngày 09/8/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi cục Thi hành án dân sự quận C trình bày: Đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả phiên tòa, đề nghị Tòa án xét xử theo quy định pháp luật để có cơ sở giải quyết việc thi hành án, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.*

** Tại đơn đề nghị bổ sung người tham gia tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Phương T2 , bản trình bày ý kiến đề ngày 19/6/2023, quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Phương T2 là bà Lê Khánh L trình bày:*

Bà Trần Thị Phương T2 là người được thi hành án theo Bản án dân sự phúc thẩm số 36/2022/DS-PT ngày 30/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc ‘Yêu cầu đòi tài sản’ giữa bà T2 và bà Nguyễn Thị H . Ngày 15/7/2022, bà T2 đã có đơn thi hành án gửi đến Chi cục Thi hành án dân sự quận C yêu cầu bà Hiền thực hiện nghĩa vụ. Ngày 18/7/2022, Chi cục Thi hành án dân sự quận C ban hành Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 663/QĐ-CCTHADS đối với bà Hiền, theo đó, bà Hiền phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị Phương T2 số tiền là 12.402.366.437 đồng, trong đó: nợ gốc là 11.070.833.333 đồng và lãi là 1.331.533.104 đồng (tính từ ngày 06/11/2020 đến ngày 18/01/2022). Tuy nhiên, bà Hiền không thực hiện. Đối với yêu cầu của ông P về việc chia tài sản chung: thửa đất số 33, tờ bản đồ số 15; thửa đất số 1905, tờ bản đồ số 11 và nhà và đất tại thửa đất số 20, tờ bản đồ B1-97 theo tỷ lệ ông P được hưởng 70% và bà Hiền được hưởng 30% thì bà T2 không đồng ý, vì 03 tài sản nêu trên đều liên quan đến bà Hiền, ông P không có căn cứ chứng minh. Bà T2 cho rằng tài sản chung của ông P và bà Hiền phải chia đôi, cụ thể ông P được hưởng 50% và bà Hiền được hưởng 50%.

** Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Hoàng T4 trình bày: Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ba bà là ông Nguyễn Đăng P. Tuy nhiên, sau khi nghe ý kiến trình bày của bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy, bà đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận ý kiến của bà Thúy về việc chia tài sản chung của ba mẹ bà là ông Nguyễn Đăng P và bà Nguyễn Thị H đối với nhà và đất tại thửa đất số 20, tờ bản đồ B1-97 theo tỷ lệ ông P được hưởng 80% và bà Hiền được hưởng 20%.*

** Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đăng Ngân trình bày: Ông thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ba ông là ông Nguyễn Đăng P.*

** Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Châu G trình bày: Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ba chồng bà là ông Nguyễn Đăng P. Sau khi kết thúc phần tranh luận, bà Châu Giang xin HĐXX về do có công việc đột xuất, nên bà vắng mặt khi Tòa án tuyên án.*

** Tại văn bản xác nhận về việc hỗ trợ tiền mua đất, xây nhà đề ngày 27/9/2023, văn bản trình bày đề ngày 20/5/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đăng L trình bày:*

Ông Nguyễn Đăng P làm nghề sửa chữa điện lạnh, gia đình sống thuê tại địa chỉ: Số 261 đường Cách Mạng Tháng Tám, quận C, thành phố Đà Nẵng. Đến năm 2015, ông P tích cóp được số tiền 220.000.000 đồng, ông P gặp ông Kế ba ông nhờ hỗ trợ mua đất xây nhà. Ba ông đã cho số tiền 100.000.000 đồng, ông hỗ trợ 300.000.000 đồng để ông P mua đất. Sau khi mua thì vợ chồng ông P còn có 80.000.000 đồng, nên ba ông cho thêm ông P 100.000.000 đồng và ông cho 200.000.000 đồng để hỗ trợ xây nhà. Căn nhà hoàn thành vào năm 2017. Ngoài ra, ông được biết em gái ông là bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy đã gửi cho ông P số tiền 250.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản, chuyển 03 lần, một lần bà Thúy trực tiếp chuyển, 02 lần là nhờ nhân viên của mình là bà Tạ Thị Hồng Phượng chuyển tiền giúp. Như vậy, nhà và đất tại địa chỉ: Số 43 đường C, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng thì ba ông đã hỗ trợ 200.000.000 đồng và ông hỗ trợ 500.000.000 đồng, em gái bà Thúy hỗ trợ 250.000.000 đồng.

** Tại bản tự khai đề ngày 28/6/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Ngọc H trình bày:* Do có mối quan hệ quen biết với nhau, nên ngày 25/5/2022, ông có cho ông Nguyễn Đăng P và bà Nguyễn Thị H mượn số tiền: 300.000.000 đồng. Ngày 01/7/2022, ông P và bà Hiền có mượn thêm 20.000.000 đồng. Tổng cộng là 320.000.000 đồng. Ông P và bà Hiền có giao cho ông 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC871911 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 07/3/2016 đối với thửa đất số 1905, tờ bản đồ số 11, để làm tin. Sau nhiều lần nhắc nhở và đòi tiền không được nên ông gửi đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận C. Vào ngày 19/7/2023, theo bản án dân sự sơ thẩm số 109/2023/DS-ST ngày 19/7/2023, Tòa án quận C đã xét xử và tuyên án như sau: Buộc vợ chồng ông P và bà Hiền trả lại cho ông số tiền là 320.000.000 (Ba trăm hai mươi triệu đồng). Sau khi ông Nguyễn Đăng P và bà Nguyễn Thị H thanh toán đủ số tiền trên, ông Huỳnh Ngọc H có nghĩa vụ giao trả cho ông P và bà Hiền Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC871911 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 07/3/2016.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Khi ông P và bà Hiền trả nợ cho ông thì ông sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

** Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy trình bày:*

Nguồn gốc nhà và đất tại thửa đất số 20, tờ bản đồ B1-97 là do ba bà ông Nguyễn Đăng Kế cùng các anh chị em trong gia đình hỗ trợ ông P với tổng số tiền 950.000.000 đồng (Trong đó: tiền mua đất là 500.000.000 đồng và tiền xây nhà là 450.000.000 đồng). Riêng bà khi mua đất đã hỗ trợ ông P 150.000.000 đồng và khi xây nhà hỗ trợ ông P tổng cộng 250.000.000 đồng, thông qua 03 lần chuyển khoản vào tài khoản của ông P, cụ thể: ngày 4/5/2016 chuyển số tiền 100.000.000 đồng và ngày 8/7/2016 chuyển số tiền 100.000.000 đồng do nhân viên của bà là bà Tạ Thị Hồng Phượng chuyển cho ông P, ngày 01/9/2016: bà trực tiếp chuyển cho ông P số tiền 50.000.000 đồng. Ước nguyện cuối đời của

ba bà ông Nguyễn Đăng Kế là để chỗ ở ổn định cho các con của ông P. Do đó, bà đề nghị HĐXX xem xét chia nhà và đất nêu trên theo tỷ lệ ông P được hưởng 80% và bà Hiền được hưởng 20%.

** Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc T6 trình bày:* Bà thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy. Tâm nguyện của ba bà ông Nguyễn Đăng Kế là để lại nhà và đất tại thửa đất số 20, tờ bản đồ B1-97 làm chỗ ở ổn định cho các con của ông P. Do đó, bà đề nghị HĐXX xem xét chia nhà và đất nêu trên theo tỷ lệ ông P được hưởng 80% và bà Hiền được hưởng 20%.

** Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đăng D , bà Nguyễn Thị Mỹ H , bà Nguyễn Thị M :* Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Về tài sản chung: Đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông P về việc chia tài sản trong thời kỳ hôn nhân với bị đơn bà Nguyễn Thị H , cụ thể như sau:

Chia nhà và đất tại thửa đất số 20, tờ bản đồ B1-97 và thửa đất số 1905, tờ bản đồ số 11, theo tỷ lệ 5:5, ông P được hưởng 50% giá trị tài sản chung và bà Hiền được hưởng 50% giá trị tài sản chung. Giao nhà và đất tại thửa đất số 20, tờ bản đồ B1-97 và thửa đất số 1905, tờ bản đồ số 11 cho ông P sở hữu và sử dụng. Ông P có nghĩa vụ bồi trả cho bà Hiền số tiền chênh lệch là 2.115.420.000 đồng.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông P về chia tài sản là thửa đất số 33, tờ bản đồ số 15.

Về án phí: Nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện thì nguyên đơn khởi kiện đối với bị đơn đề chia tài sản trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 38 Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ pháp luật tranh chấp là *“Tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân”*.

[2] Về thẩm quyền: Tại thời điểm Toà án thụ lý giải quyết vụ án thì bị đơn bà Nguyễn Thị H có địa chỉ tại: Số 43 đường C, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng, đến ngày 26/5/2023 thì bà Hiền bị tạm giam tại Trại tạm giam thuộc Công an thành phố Đà Nẵng. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn và bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Đà Nẵng.

[3] Bị đơn bà Nguyễn Thị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi cục Thi hành án dân sự quận C vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Hiền và Chi cục Thi hành án dân sự quận C. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đăng D, bà Nguyễn Thị Mỹ H, bà Nguyễn Thị M đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, ngày 28/8/2024, nguyên đơn ông Nguyễn Đăng P có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện chia tài sản đối với thửa đất số 33, tờ bản đồ số 15. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Đăng P giữ nguyên ý kiến rút một phần yêu cầu khởi kiện chia tài sản đối với thửa đất số 33, tờ bản đồ số 15 nêu trên. HĐXX xét thấy việc rút yêu cầu của ông Nguyễn Đăng P là tự nguyện nên căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản đối với thửa đất số 33, tờ bản đồ số 15 của nguyên đơn.

Về nội dung: Xét yêu cầu chia tài sản chung của ông Nguyễn Đăng P:

[5] Về xác định tài sản chung: Nguyên đơn ông Nguyễn Đăng P và bị đơn bà Nguyễn Thị H đều thừa nhận trong thời kỳ hôn nhân ông bà đã tạo lập được tài sản chung là: Nhà và đất tại thửa đất số 20, tờ bản đồ B1-97 (*Quyền sử dụng đất đã được ghi nhận trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 443626 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 14/8/2015, đã được chỉnh lý biến động vào ngày 28/9/2015 cho ông Nguyễn Đăng P, bà Nguyễn Thị H, riêng nhà chưa được ghi nhận quyền sở hữu trong giấy chứng nhận nêu trên*) và thửa đất số 1905, tờ bản đồ số 11 (*có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 871911 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 07/3/2016, đã được chỉnh lý biến động vào*

ngày 24/12/2029 cho ông Nguyễn Đăng P, bà Nguyễn Thị H). Do đó, đây là tình tiết không phải chứng minh quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Như vậy, HĐXX có căn cứ xác định 02 tài sản nêu trên là tài sản chung mà ông Nguyễn Đăng P và bà Nguyễn Thị H đã tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân.

[6] Về giá trị tài sản chung:

[6.1] Đối với nhà và đất tại thửa đất số 20, tờ bản đồ B1-97: Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 18/8/2023 và Kết quả định giá tại Chứng thư thẩm định giá số 36/CT-TĐG-DNVC ngày 04/4/2024 thì quyền sử dụng đất tại thửa đất số 20, tờ bản đồ B1-97, diện tích 100 m², mục đích sử dụng: đất ở đô thị có giá trị 3.215.700.000 đồng và tài sản gắn liền trên đất có giá trị 935.760.000 đồng, cụ thể là nhà 02 tầng, kết cấu tường xây gạch trát vữa sơn vôi, sàn bê tông cốt thép, mái bê tông cốt thép, nền gạch men, điện nước âm tường, diện tích sử dụng 210 m². Tổng giá trị nhà và đất là: 4.151.460.000 đồng và có tứ cận như sau: Hướng Tây Nam: giáp đường Bùi Công Trừng; hướng Tây Bắc: giáp đất trống; hướng Đông Bắc: giáp cống thoát nước; hướng Đông Nam: giáp nhà dân.

[6.2] Đối với thửa đất số 1905, tờ bản đồ số 11: Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 02/4/2024 và Kết quả định giá tại Chứng thư thẩm định giá số 36/CT-TĐG-DNVC ngày 04/4/2024 thể hiện: Thửa đất số 1905, tờ bản đồ số 11, diện tích 270 m², mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm, có tứ cận như sau: phía Tây Nam: giáp đất trống; phía Tây Bắc: giáp đất trống; phía Đông Bắc: giáp đất trống; phía Đông Nam: giáp đất trống, thửa đất không có lối đi vào, trên đất không có tài sản gì và có giá trị là 79.380.000 đồng.

[6.3] Như vậy, tổng giá trị tài sản chung tạo lập trong thời kỳ hôn nhân của ông Nguyễn Đăng P và bà Nguyễn Thị H là: 4.151.460.000 đồng + 79.380.000 = 4.230.840.000 đồng (*Bốn tỷ hai trăm ba mươi triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng*).

[7] Về tỷ lệ phân chia tài sản chung:

[7.1] Đối với nhà và đất tại thửa đất số 20, tờ bản đồ B1-97: Ông Nguyễn Đăng P yêu cầu chia tài sản chung theo tỷ lệ 7: 3, cụ thể theo đó ông được chia là 70% giá trị và bà Hiền là 30% giá trị.

[7.1.1] Về tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 20, tờ bản đồ B1-97: Quá trình giải quyết vụ án, ông P trình bày: Tiền mua đất là 620.000.000 đồng (gồm tiền mua đất là 550.000.000 đồng và tiền dịch vụ 70.000.000 đồng), trong đó: Ông P tích góp được 120.000.000 đồng và gia đình ông P gồm ba, các anh chị em đã đóng góp số tiền là 500.000.000 đồng, cụ thể: Ông Nguyễn Đăng Kế (là cha ruột ông P), hiện đã mất: góp 100.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Mỹ H (là chị gái ông P) góp 30.000.000 đồng. Ông Nguyễn Đăng D (là anh trai ông P) góp 50.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị M (là chị gái ông P) góp 70.000.000 đồng. Ông Nguyễn Đăng L (là anh trai ông P) góp 100.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy (là em gái ông P) góp 150.000.000 đồng. HĐXX xét thấy: ngoài việc trình bày thì ông P, cũng như bà H, ông D, ông L, bà Thúy, bà M không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh.

[7.1.2] Về phần tiền xây nhà tại thửa đất số 20, tờ bản đồ B1-97: Quá trình giải quyết vụ án, ông P trình bày: Sau khi đã mua đất, đến tháng 4/2016 ông P quyết định xây nhà trên mảnh đất mà gia đình mua cho ông P. Tuy nhiên, khi mở móng xây nhà thì ông P chỉ có 80.000.000 đồng, ông P về nhà tâm sự với cha xin được hỗ trợ cho thêm tiền xây nhà. Sau đó, cha ông P mở tủ lấy tiền mặt cho ông P 100.000.000 đồng có sự chứng kiến của ông L (anh trai của ông P). Ngoài ra, ông P điện thoại cho tất cả anh chị em xin hỗ trợ thêm. Trong đó, có em gái là bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy 03 lần chuyển khoản vào tài khoản của ông P tổng cộng 250.000.000 đồng, cụ thể: ngày 4/5/2016 chuyển số tiền 100.000.000 đồng và ngày 8/7/2016 chuyển số tiền 100.000.000 đồng do nhân viên của bà Thúy là bà Tạ Thị Hồng Phượng chuyển cho ông P, ngày 01/9/2016: bà Thúy tiếp tục chuyển cho ông P số tiền 50.000.000 đồng. Ông Nguyễn Đăng L có qua nhà ông P cho tiền mặt ông P 100.000.000 đồng. HĐXX nhận thấy: Ông P, ông L, bà Thúy không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh về số tiền đã gửi cho ông P để hỗ trợ xây nhà. Đối với số tiền bà Thủy chuyển khoản và nhờ nhân viên của mình là bà Tạ Thị Hồng Phượng, mặc dù thời gian chuyển khoản là sau thời gian ông P và Hiền xin giấy phép xây dựng ngày 22/3/2016, tuy nhiên, việc chuyển khoản không có nội dung chuyển khoản về việc gì nên không có căn cứ chứng minh là bà Thúy hỗ trợ tiền xây nhà cho ông P.

[7.1.3] Ngoài ra, tại văn bản xác nhận về việc hỗ trợ tiền mua đất, xây nhà đề ngày 27/9/2023, văn bản trình bày đề ngày 20/5/2024 của ông Nguyễn Đăng L trình bày có nội dung: *“Như vậy, nhà và đất tại số 43 đường C, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng thì ba ông đã hỗ trợ 200.000.000 đồng và ông hỗ trợ 500.000.000 đồng, em gái bà Thúy hỗ trợ 250.000.000 đồng”*. Tuy nhiên, tại biên bản họp gia đình vào ngày 15/6/2024 xác nhận việc hỗ trợ mua đất và xây nhà tại địa chỉ nhà số 43 đường Nguyễn Công Trùng, phường Hoà Xuân, quận C, thành phố Đà Nẵng của ông Nguyễn Đăng P và bà Nguyễn Thị H do UBND phường Khuê Trung, quận C, thành phố Đà Nẵng chứng thực ngày 24/6/2024 mà trong đó ông L đã ký xác nhận thể hiện về phần tiền mua đất ông L đóng góp 100.000.000 đồng và về phần tiền xây nhà ông L hỗ trợ ông P số tiền 100.000.000 đồng. Như vậy, HĐXX nhận thấy số tiền ông L trình bày đóng góp vào việc nhà và đất tại thửa đất số 20, tờ bản đồ B1-97 của ông P và bà Hiền là mâu thuẫn nhau.

[7.1.4] Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 443626 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 14/8/2015, thể hiện là đã được chỉnh lý biến động vào ngày 28/9/2015 cho ông Nguyễn Đăng P, bà Nguyễn Thị H. Theo Giấy phép xây dựng số 704/UBND-GPXD do UBND quận C cấp ngày 22/3/2016 thể hiện là cấp cho ông Nguyễn Đăng P và bà Nguyễn Thị H. Ông P và bà Hiền sử

dụng ổn định nhà và đất tại thửa đất số 20, tờ bản đồ B1-97 từ khi tạo lập cho đến nay. Các anh chị em ông P không có ý kiến hay tranh chấp gì. Hơn nữa, ông P không cung cấp được tài liệu chứng minh nội dung công sức đóng góp nhiều hơn trong việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung của ông P. Còn bà Nguyễn Thị H đang có nghĩa vụ đối với người thứ ba, cụ thể: Bà Hiền có nghĩa vụ thanh toán nợ đối với bà Trần Thị Phương T2 tại Bản án dân sự phúc thẩm số 36/2022/DS-PT ngày 30/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng và những người khác đã yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự quận C thi hành.

[7.1.5] Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 38, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX xác định ông P và bà Hiền có công sức ngang nhau trong việc tạo lập khối tài sản chung. Do đó, HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về tỷ lệ phân chia nhà và đất tại thửa đất số 20, tờ bản đồ B1-97 của nguyên đơn ông Nguyễn Đăng P, theo đó chia cho ông P và bà Hiền mỗi người 50% tổng giá trị tài sản, cụ thể ông P và bà Hiền mỗi người được chia 50% x 4.151.460.000 đồng = 2.075.730.000 đồng.

[7.2] Đối với thửa đất số 1905, tờ bản đồ số 11: Ông P xác định là tài sản chung của vợ chồng ông P và bà Hiền, ông P đề nghị chia theo tỉ lệ 5:5 và ông sẽ thối trả 50% giá trị cho bà Hiền tương ứng số tiền là 39.690.000 đồng. Yêu cầu chia như trên của ông P là có căn cứ, phù hợp khoản 3 Điều 38, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình, nên HĐXX chấp nhận.

[7.3] Giá trị tài sản chung mà ông P và bà Hiền mỗi người được hưởng: 2.075.730.000 đồng + 39.690.000 đồng = 2.115.420.000 đồng.

[8] Về giao hiện vật: Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa, ông P có nguyện vọng nhận nhà và đất tại thửa đất số 57 tờ bản đồ số B1-24 và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1905, tờ bản đồ số 11. HĐXX nhận thấy: Hiện nay ông P đang sinh sống ổn định ở nhà và đất tại thửa đất số 57 tờ bản đồ số B1-24 và bà Hiền hiện đang bị tạm giam. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P, giao cho ông Nguyễn Đăng P sở hữu và sử dụng:

- Thửa đất số 20, tờ bản đồ số B1-97, có diện tích 100 m², mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị, tọa lạc tại địa chỉ: Khu đô thị sinh thái ven sông Hòa Xuân - Giai đoạn 2, phường Hòa Xuân, quận C, thành phố Đà Nẵng, nay là: Số 43 đường C, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 443626 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 14/8/2015, đã được chỉnh lý biến động vào ngày 28/9/2015 cho ông Nguyễn Đăng P, bà Nguyễn Thị H) và tài sản gắn liền trên đất là nhà 02 tầng, kết cấu tường xây gạch trát vữa sơn vôi, sàn bê tông cốt thép, mái bê tông cốt thép, nền gạch men, điện nước âm tường, diện tích sử dụng 210 m² (có sơ đồ kèm theo). Nhà và đất nêu trên có tổng giá trị 4.151.460.000 đồng, có tứ cận như sau: Hướng Tây Nam: giáp đường Bùi Công Trừng; hướng Tây Bắc: giáp đất trống; hướng Đông Bắc: giáp cống thoát nước; hướng Đông Nam: giáp nhà dân.

- Thừa đất số 1905, tờ bản đồ số 11 diện tích 270 m², mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại địa chỉ: tổ 22, phường Hòa Phát, quận C, thành phố Đà Nẵng (có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 871911 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 07/3/2016, đã được chỉnh lý biến động vào ngày 24/12/2019 cho ông Nguyễn Đăng P, bà Nguyễn Thị H) có giá trị 79.380.000 đồng.

[9] Về nghĩa vụ thời trả: Ông Nguyễn Đăng P phải thanh toán giá trị chênh lệch tài sản chung cho bà Nguyễn Thị H là 2.115.420.000 đồng.

[10] Đối với ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy, bà Nguyễn Thị Ngọc T6 và bà Nguyễn Hoàng T4 về việc đề nghị HĐXX xem xét chia nhà và đất tại thửa đất số 20, tờ bản đồ B1-97 theo tỷ lệ ông P được hưởng 80% và bà Hiền được hưởng 20%. HĐXX nhận thấy ý kiến của bà Thúy, bà T6, bà T4 không phù hợp với nhận định tại mục [7.1] nên HĐXX không chấp nhận.

[11] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C, thành phố Đà Nẵng về việc giải quyết vụ án: HĐXX nhận thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C, thành phố Đà Nẵng phù hợp với phân tích nêu trên nên HĐXX chấp nhận.

[12] Về án phí: Ông Nguyễn Đăng P và bà Nguyễn Thị H mỗi người phải chịu án phí tương ứng phần giá trị được hưởng $72.000.000 + 2\% \times (2.115.420.000 - 2.000.000.000)$ đồng = 74.308.400 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[13] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 6.000.000 đồng và chi phí định giá tài sản là 24.225.000 đồng: Ông Nguyễn Đăng P tự nguyện chịu, đã nộp và chi xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 28, 35, 39, 147, 157, 165, 227, 228, 244, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Khoản 1 và khoản 2 Điều 38, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đăng P đối với bà Nguyễn Thị H về việc chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

1. Xác định khối tài sản chung của ông Nguyễn Đăng P và bà Nguyễn Thị H gồm:

- Thửa đất số 1905, tờ bản đồ số 11, diện tích 270m² đất trồng cây hằng năm tọa lạc tại địa chỉ: Tổ 22, phường Hòa Phát, quận C, thành phố Đà Nẵng (*Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 871911 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 07/3/2016, đã được chỉnh lý biến động vào ngày 24/12/2029 cho ông Nguyễn Đăng P, bà Nguyễn Thị H*), có giá trị là 79.380.000 đồng.

- Thửa đất số 20, tờ bản đồ B1-97 tọa lạc tại địa chỉ: Khu đô thị sinh thái ven sông Hòa Xuân - Giai đoạn 2, phường Hòa Xuân, quận C, thành phố Đà Nẵng, nay là: Số 43 đường C, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (*có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 443626 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 14/8/2015, đã được chỉnh lý biến động vào ngày 28/9/2015 cho ông Nguyễn Đăng P, bà Nguyễn Thị H*) và tài sản gắn liền trên đất là nhà 02 tầng, kết cấu tường xây gạch trát vữa sơn vôi, sàn bê tông cốt thép, mái bê tông cốt thép, nền gạch men, điện nước âm tường, diện tích sử dụng 210 m². Nhà và đất nêu trên có tổng giá trị 4.151.460.000 đồng

2. Về giao hiện vật:

Giao cho ông Nguyễn Đăng P sở hữu và sử dụng:

- Thửa đất số 20, tờ bản đồ số B1-97, có diện tích 100 m², mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị, tọa lạc tại địa chỉ: Khu đô thị sinh thái ven sông Hòa Xuân - Giai đoạn 2, phường Hòa Xuân, quận C, thành phố Đà Nẵng, nay là: Số 43 đường C, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (*có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 443626 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 14/8/2015, đã được chỉnh lý biến động vào ngày 28/9/2015 cho ông Nguyễn Đăng P, bà Nguyễn Thị H*) và tài sản gắn liền trên đất là nhà 02 tầng, kết cấu tường xây gạch trát vữa sơn vôi, sàn bê tông cốt thép, mái bê tông cốt thép, nền gạch men, điện nước âm tường, diện tích sử dụng 210 m² (*có sơ đồ kèm theo*), có tứ cận như sau: Hướng Tây Nam: giáp đường Bùi Công Trưng; hướng Tây Bắc: giáp đất trống; hướng Đông Bắc: giáp công thoát nước; hướng Đông Nam: giáp nhà dân.

- Thửa đất số 1905, tờ bản đồ số 11 diện tích 270 m², mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại địa chỉ: tổ 22, phường Hòa Phát, quận C, thành phố Đà Nẵng (*có Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 871911 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 07/3/2016, đã được chỉnh lý biến động vào ngày 24/12/2029 cho ông Nguyễn Đăng P, bà Nguyễn Thị H*).

Ông Nguyễn Đăng P được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện đăng ký quyền sở hữu, sử dụng theo quy định của pháp luật.

3. Về nghĩa vụ bồi trả: Ông Nguyễn Đăng P phải thanh toán giá trị chênh lệch tài sản chung cho bà Nguyễn Thị H là 2.115.420.000 đồng (Hai tỷ một trăm mười lăm triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản là: Thừa đất số 33, tờ bản đồ số 15, diện tích 284m² đất trồng cây hàng năm, tọa lạc tại địa chỉ: Tổ 14, phường Hòa Phát, quận C, thành phố Đà Nẵng (*Theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 871909 ngày 07/3/2016, chỉnh lý biến động cho ông Nguyễn Đăng P, bà Nguyễn Thị H ngày 24/12/2019*).

5. Về án phí sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Đăng P phải chịu án phí yêu cầu chia tài sản chung là 74.308.400 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 19.650.000 đồng mà ông Nguyễn Đăng P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009461 ngày 17/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận C, thành phố Đà Nẵng. Ông Nguyễn Đăng P còn phải nộp số tiền án phí sơ thẩm là 54.658.400 đồng.

- Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí yêu cầu chia tài sản chung là 74.308.400 đồng.

6. Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 6.000.000 đồng và chi phí định giá tài sản là 24.225.000 đồng: Ông Nguyễn Đăng P tự nguyện chịu, đã nộp và đã chi xong.

7. Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Châu G không có mặt khi tòa án tuyên án, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận C;
- VKSND quận C;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thanh Tuyên